

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 16 tháng 9 năm 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Diệu Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Phượng

Bà Hoàng Thị Kim Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Phương Liên là thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Lê Quang Thành, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 51, đường V, phố 5, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

*2. Bị đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú trước khi mất tích: Số nhà 51, đường V, phố 5, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt anh T, vắng mặt chị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Quang T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Lê Quang T và chị Phan Thị H kết hôn ngày 07 tháng 9 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N. Quá

trình chung sống hòa thuận, đến tháng 02/2019 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng cãi nhau, chị H đã mang con chung bỏ nhà đi biệt tích, không có tin tức, anh T đã tìm kiếm nhưng không có kết quả. Anh T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Phan Thị H mất tích. Tại Quyết định 01/2022/QĐST-VDS ngày 13/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã tuyên bố chị H mất tích. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị được ly hôn với chị Phan Thị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lê Quốc Đ sinh ngày 09/4/2016, chị H mang con bỏ đi, hiện nay không biết cháu ở đâu nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T tự xác định, anh và chị H không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo yêu cầu thực hiện quyền nghĩa vụ của đương sự, Thông báo phiên họp và kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/7/2022 Công an phường V, thành phố N cung cấp về địa chỉ cư trú của chị Phan Thị H như sau: Chị Phan Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 51, đường V, phố 5, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Từ tháng 2/2019 chị H không còn cư trú tại địa chỉ trên nữa. Chị H hiện đang cư trú ở đâu Công an phường V không nắm được vì công dân không thông báo thay đổi nơi cư trú, Công an phường V cũng không nhận được thông tin trao đổi từ đơn vị nào khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/7/2022 Trưởng phố 5, phường V, thành phố N cung cấp tình trạng hôn nhân giữa anh Lê Quang T và chị Phan Thị H như sau: Anh Lê Quang T và chị Phan Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V. Sau khi kết hôn anh chị có chung sống tại địa chỉ số nhà 51, đường V, phố 5, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; từ tháng 2/2019 đến nay chị H không sống chung cùng anh T tại địa chỉ trên nữa. Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 9/4/2016. Từ tháng 2/2019 khi chị H không sống cùng anh T nữa thì đã đưa cháu Đ đi cùng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân

thành phố N nghiên cứu đúng thời gian; trình tự thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang T, cho ly hôn giữa anh Lê Quang T và chị Phan Thị H.

Về con chung: Chị Phan Thị H đã đưa cháu Lê Quốc Đ đi cùng, hiện anh T không biết cháu Đ đang ở đâu, không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Tòa án nhân dân thành phố N nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Anh Lê Quang T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị H, đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Phan Thị H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại phường V, thành phố N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Phan Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa tại địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H theo quy định; vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Quang T và chị Phan Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N ngày 07/9/2016, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tháng 2/2019 chị Phan Thị H đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, không có tin tức, anh T tìm kiếm nhưng không có kết quả. Theo yêu cầu của anh T, tại Quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh

Bình đã tuyên bố chị Phan Thị H mất tích. Theo cung cấp của Công an phường V và Trưởng phố 5 phường V: Từ tháng 02/2019 đến nay chị Phan Thị H không cư trú cùng anh Lê Quang T tại địa chỉ phố 5, phường V, thành phố N. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lê Quang T và chị Phan Thị H có 01 con chung là cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 09/4/2016. Từ tháng 02/2019 chị H đã mang theo cháu Đ bỏ đi, anh T không biết cháu Đ hiện đang ở đâu nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung, vì vậy không đặt ra giải quyết. Sau này có tranh chấp về việc nuôi con chung các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Anh Lê Quang T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang T, cho ly hôn giữa anh Lê Quang T và chị Phan Thị H. Quan hệ hôn nhân của anh Lê Quang T và chị Phan Thị H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Quang T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí anh T phải nộp được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA0000862 ngày 17/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

Anh Lê Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phan Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa*

*thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
Phạm Diệu Oanh  
(Đã ký)**